

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 01 năm 2025
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thành Vân.

2. Ông Quàng Văn Tiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Sộng Nỏ Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2024/TLST - HNGĐ ngày 21/10/2024 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐST - HNGĐ ngày 29/11/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST - HNGĐ ngày 16/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 09a/2024/QĐST - HNGĐ ngày 31/12/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Quàng Thị D, sinh năm 1990. Địa chỉ: Bản C Tr, xã M H, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: Anh Lò Văn Th, sinh năm 1990. Địa chỉ: Bản C Tr, xã M H, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Quàng Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị Quàng Thị D và anh Lò Văn Th đăng ký kết hôn từ ngày 17 tháng 7 năm 2013 tại UBND xã M H, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống; anh Lò Văn Th nghiện ma túy, không tu chí làm ăn, hay ghen tuông; chị Quàng Thị D và gia đình đã nhiều lần can ngăn nhưng anh Lò Văn Th không thay đổi. Chị Quàng Thị D và anh Lò Văn Th đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2024 đến nay không ai quan tâm đến ai. Chị Quàng Thị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn với anh Lò Văn Th.

Về con chung: Chị Quàng Thị D và anh Lò Văn Th có 02 con chung là cháu **Lò Văn H**, sinh ngày 27/7/2011 và cháu **Lò Minh H**, sinh ngày 26/9/2015.

Chị Quàng Thị D nhất trí giao con chung cho anh Lò Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Quàng Thị D nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Lò Văn Th mỗi tháng 500.000 đồng/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Quàng Thị D cam đoan không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lò Văn Th không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không viết bản tự khai theo yêu cầu của Tòa án.

Kết quả xác minh tại địa phương nơi các đương sự sinh sống cho thấy:

Về hôn nhân: Cuộc sống hôn nhân của chị Quàng Thị D và anh Lò Văn Th có mâu thuẫn do anh Lò Văn Th có tính bạo lực gia đình, hay đánh vợ; anh chị đã được địa phương tiến hành hòa giải nhưng không thành; đã ly thân một thời gian dài.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu **Lò Văn H**, sinh ngày 27/7/2011 và cháu **Lò Minh H**, sinh ngày 26/9/2015. Trong thời gian anh chị sống ly thân các cháu ở với ông bà nội.

Kết quả ghi ý kiến con chung: Các cháu cùng ý kiến nếu bố mẹ ly hôn các cháu đều có nguyện vọng ở với bố.

Tại phiên tòa chị Quàng Thị D thay đổi ý kiến: Chị nhận trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cả 02 con chung, không yêu cầu anh Lò Văn Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án Tòa án huyện Sông Mã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đều thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Anh Lò Văn Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Xử cho chị Quàng Thị D được ly hôn anh Lò Văn Th. Giao các cháu **Lò Văn H**, sinh ngày 27/7/2011 và cháu **Lò Minh H**, sinh ngày 26/9/2015 cho chị Quàng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận việc chị Quàng Thị D không yêu cầu anh Lò Văn Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung không yêu cầu tòa án giải quyết; về nợ chung không xem xét. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Quàng Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Quàng Thị D yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lò Văn Th có địa chỉ tại bản **C Tr**, xã **M H**, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục hoà giải: Nguyên đơn có đơn đề nghị không hoà giải, do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Lò Văn Th đã được triệu tập, tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn liên tục vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án. Anh Lò Văn Th không đến Tòa án theo triệu tập, không đưa ra chứng cứ để chứng minh, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã được thu thập theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Lò Văn Th phải chịu hậu quả pháp lý về việc không chứng minh theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Tại phiên tòa hôm nay và qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định chị Quàng Thị D và anh Lò Văn Th đăng ký kết hôn từ ngày 17 tháng 7 năm 2013 tại UBND xã **M H**, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc nên hôn nhân giữa chị Quàng Thị D và anh Lò Văn Th là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ theo khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chứng tỏ lời khai của nguyên đơn là đúng sự thật. Việc vợ chồng anh không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; anh Lò Văn Th thường xuyên bạo lực gia đình, đánh đập vợ con; anh Lò Văn Th không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng; vợ chồng sống ly thân, bỏ mặc nhau; mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình và địa phương hòa giải nhưng không thành là đúng sự thật. Mặt khác, chị Quàng Thị D cương quyết yêu cầu ly hôn càng chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị Quàng Thị D và anh Lò Văn Th đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Quàng Thị D và xử cho chị Quàng Thị D được ly hôn anh Lò Văn Th.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu **Lò Văn H**, sinh ngày 27/7/2011 và cháu **Lò Minh H**, sinh ngày 26/9/2015.

Xét thấy anh Lò Văn Th là người thường xuyên bạo lực gia đình, có hành vi đánh đập vợ con, căn cứ bản cam đoan ngày 05/3/2021 của anh Lò Văn Th, Biên bản ly thân ngày 22/3/2024; Biên bản hòa giải ngày 16/10/2024 và kết quả xác minh tại địa phương. Trong thời gian anh chị sống ly thân, anh Lò Văn Th thường xuyên vắng nhà; không trông nom, chăm sóc con cái mà giao hết cho ông bà nội. Các cháu **Lò Văn H**, sinh ngày 27/7/2011 và cháu **Lò Minh H**, sinh ngày 26/9/2015 có nguyện vọng ở với bố là do gắn bó với ông bà nội. Anh Lò Văn Th không có mặt tại phiên tòa và không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chưa thành niên và phù hợp với thực tế cần giao các cháu cho chị Quàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Áp dụng Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị Quàng Thị D có thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi và làm thuê đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh Lò Văn Th phải cấp dưỡng nuôi con chung nên cần ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Quàng Thị D xác nhận không có. Anh Lò Văn Th vắng mặt không có lời khai. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Quàng Thị D là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn yêu cầu miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm nên cần chấp nhận theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; 110; 116; 117; 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Quàng Thị D được ly hôn anh Lò Văn Th.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là các cháu **Lò Văn H**, sinh ngày 27/7/2011 và cháu **Lò Minh H**, sinh ngày 26/9/2015.

Giao các cháu **Lò Văn H**, sinh ngày 27/7/2011 và cháu **Lò Minh H**, sinh ngày 26/9/2015 cho chị Quàng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con:

Ghi nhận việc chị Quàng Thị D không yêu cầu anh Lò Văn Th phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Quàng Thị D xác nhận không có. Anh Lò Văn Th vắng mặt không có lời khai. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho chị Quàng Thị D.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Quàng Thị D, anh Lò Văn Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Sông Mã;
- Chi cục THADS huyện Sông Mã;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mai